TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2025/DS-PT
Ngày: 12-9-2025
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2025/TLPT - DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 383/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1952

2. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Cùng địa chỉ hiện nay: Ấp M, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

(Ông Nguyễn Văn V ủy quyền cho bà Ngô Thị G tham gia tố tụng)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn L -

Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là Đoàn luật sư tỉnh V).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B (tên thường gọi: Trần Thị P), sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: Ấp M, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp M, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số C, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: Số C, ấp M, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Ngô Thị G và trong quá trình tố tụng bà Ngô Thị G trình bày:

Vào năm 2020, ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Trần Thị B (tên thường gọi là Trần Thị P) có mượn tiền của ông bà để mua đất cho con, làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chi tiêu sinh hoạt trong cuộc sống. Vợ chồng bà B đã mượn tiền của ông bà các lần cụ thể như sau: Vào ngày 24/8/2020 mượn 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K loại 99% hứa 02 tháng sau sẽ trả lại. Lúc này bà B có đại diện ông H viết biên nhận đề ngày 24/8/2020 và có ký tên là Trần Thị P. Khoảng 01 tháng sau vợ chồng bà B mượn tiếp của ông bà 40.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24K loại 99% nói là mượn đỡ hứa 10 ngày sẽ trả, do lần này chỉ mượn tạm trong thời gian ngắn nên bà không yêu cầu vợ chồng bà B viết biên nhận. Do vợ chồng bà B là cháu của vợ chồng bà nên chỉ cho mượn không tính lãi. Tổng cộng số tiền nguyên đơn đã cho mượn là 895.000.000 đồng và 3,5 lượng vàng 24K loại 99%. Đến thời hạn trả nhưng ông H, bà B cứ hẹn mà không trả nên bà và ông V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà B và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền 895.000.000 đồng và 3,5 lượng vàng 24K loại 99%, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, do lần mượn sau là 40.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24K không có làm biên nhận nên ông bà xin rút lại yêu cầu này.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H là bà Trần Thị Ngọc

Như Ý trình bày:

Bà Trần Thị B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Biên nhận đề ngày 24/8/2020 do bà B viết và ký tên với tên thường gọi là Trần Thị P nhưng thực tế bà B không có nhận tiền và vàng như lời trình bày của bà G. Đối với chồng bà B là ông Nguyễn Văn H hoàn toàn không có ký tên vào Biên nhận ngày 24/8/2020 và cũng không biết gì về khoản vay mượn này. Ông H và bà B có 02 người con đều có việc làm ổn định, hàng tháng đều gửi tiền về nên ông H và bà B không có lý do gì phải mượn tiền, vàng của bà G. Ông H không đồng ý cùng liên đới trả 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K theo yêu cầu của bà G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Biên nhận đề ngày 24/8/2020 bà Trần Thị B (tên thường gọi là Trần Thị P) đã tự viết và ký tên với nội dung có mượn của cậu mợ năm V 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K nên có cơ sở để xác định bà B đã mượn của bà G, ông V 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, ông V.

Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, bà Ngô Thị G đối với bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V, bà G số tiền nợ là 855.000.000 đồng (tám trăm năm mươi lăm triệu) đồng và 1,5 lượng vàng 24K loại 98%.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà G đối với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và 02 lượng vàng 24K loại 99%.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 29/5/2025, bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bà B, ông H. Người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông H xác định bà B, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ngoài trình bày lại các quan điểm của bà B, ông H thì bà Trần Thị Ngọc Như Ý là người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông

H còn trình bày thêm một số luận điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ như: Biên nhận nợ nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện không phải được lập vào năm 2020 mà là năm 2021; Năm 2021, bà B có lập biên nhận nợ cho bà G để vay tiền nhưng do bà B lập sai nên bà G nói là hủy bỏ và bà G cũng không có giao tiền vàng cho bà B, lúc đó do bà B tin tưởng bà G nên không có yêu cầu xé bỏ hay thu hồi biên nhận đã lập. Nếu biên nhận được lập vào ngày 24/8/2020 thì tại sao lại thể hiện được số căn cước công dân của bà B được cấp năm 2021; Ngoài ra biên nhận còn có một số yếu tố không rõ ràng: chữ viết đè lên chữ số, …vàng 1,5 rưỡi vàng 24K… Từ những trình bày trên, bà Ý yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà B, ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị G khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B (tên thường gọi là Trần Thị P) và chồng là ông Nguyễn Văn H cùng cư trú tại ấp M, xã P, huyện G trả lại tiền, vàng đã cho mượn từ năm 2020, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả. Vụ án dân sự nói trên được xác định có quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) là phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H :

[2.1] Ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị G khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B (tên thường gọi là Trần Thị P) và chồng là ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V, bà G số tiền đã cho mượn là 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K loại 99%. Căn cứ để ông V, bà G khởi kiện là "Biên nhận" (được viết trên giấy tập học sinh) đề ngày 24/8/2020 với nội dung: *"con: Trần Thị Phương số căn cước: 083174001707 có mượn của cậu mợ năm V, xã P với số tiền 855 triệu (tám trăm năm năm triệu) vàng: 1,5 vàng 24K ..."*. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng không có mượn và cũng không có ghi, ký tên vào biên nhận đề ngày 24/8/2020 mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, ông V, bà G đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trong "Biên nhận" (được viết trên giấy tập học sinh) đề ngày 24/8/2020. Theo Kết luận giám định số: 135/2025/KL-KTHS ngày 14/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh B thì *"Chữ viết mang tên Trần Thị P trên mẫu cần giám định so với chữ viết mang tên Trần Thị B trên mẫu so sánh do cùng một người viết ra"*. Mặt khác, theo xác nhận của Công an xã P, huyện G thì: Trần Thị B có tên thường gọi Trần Thị P, bà B và bà P là một người". Đồng thời, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà B cũng thừa nhận bà B là bà P, chữ viết và chữ ký trong biên nhận ngày 24/8/2020 là của bà B. Trước thời gian có Kết luận giám định, ý thức của bị đơn trong vụ án là phủ nhận việc có viết, ký tên biên nhận vay tiền, vàng của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối về vấn đề khác, tuy nhiên khi có Kết luận giám định thì bị đơn lại cho rằng không có nhận tiền, vàng của nguyên đơn, cho rằng số lượng vàng ghi trong biên nhận không phải là 1,5 lượng vàng 24K.

Xét thấy, từ Kết luận giám định nêu trên có căn cứ để xác định bà B có viết tên Trần Thị P vào Biên nhận ngày 24/8/2020. Bị đơn cho rằng phía sau số 1,5 không phải là chữ "lượng", tuy nhiên theo biên nhận vàng 1,5 thì bản thân của số 1,5 đã là rưỡi rồi nên không cần thiết phải ghi chữ "rưỡi", chữ này cũng không phải là chữ "chỉ" nên căn cứ vào Biên nhận có cơ sở để xác định bà B có mượn của ông V, bà G 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K. Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, vàng. Vì vậy, ông V và bà G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền, vàng nêu trên là có căn cứ để chấp nhận. Đối với vàng bà G cho rằng đã cho bà B mượn loại vàng là 24K 99% nhưng trong Biên nhận ngày 24/8/2020 chỉ ghi vàng 24K, không ghi rõ loại 98% hay 99% và tại phiên tòa bà G cũng đồng ý là vàng loại 98% nên chỉ chấp nhận vàng 24K loại 98%.

[2.2] Đối với ông Nguyễn Văn H: Ông H cho rằng không có ký tên vào Biên nhận đề ngày 24/8/2020 và cũng không tham gia vào việc vay mượn của vợ ông là bà Trần Thị B. Bà B có nhiều khoản vay nợ bên ngoài, ông không sử dụng số tiền,

vàng vay mượn nào của bà B nên không đồng ý cùng liên đới với bà B trả tiền, vàng theo yêu cầu của ông V, bà G nhưng ông H không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Do đó, ông H phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh. Trong vụ án này, ông H là chồng bà B tuy không trực tiếp ký tên vào biên nhận ngày 24/8/2020 nhưng theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Bà B và ông H là vợ chồng hợp pháp, từ sau khi kết hôn ông bà cùng làm ăn, sinh sống, phát triển kinh tế gia đình tại địa phương. Giữa ông H và bà B không có thỏa thuận làm kinh tế riêng. Mặt khác, số tiền và vàng bà B mượn của bà G cũng tương đối lớn nên việc ông H cho rằng không biết khoản mượn nợ này là không có cơ sở. Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện"*. Do đó, cần buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả cho bà G, ông V số tiền, vàng vay còn nợ là 855.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K loại 98%.

[2.3] Đối với số tiền 40.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24K, ông V, bà G đã rút yêu cầu bà B, ông H trả nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn bà B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà B, ông H có nghĩa vụ nộp theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Toà án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long).

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 148, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, bà Ngô Thị G đối với bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V, bà G số tiền nợ là 855.000.000 (tám trăm năm mươi lăm triệu) đồng và 1,5 lượng vàng 24K loại 98%.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà G đối với số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và 02 lượng vàng 24K loại 99%.

- Về chi phí tố tụng: Bà B và ông H phải liên đới chịu là 3.937.000 (ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Do bà G đã nộp tạm ứng nên bà B và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà G số tiền 3.937.000 (ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông V và bà G không phải chịu án phí.

+ Bà B và ông H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 42.802.500 (bốn mươi hai triệu tám trăm lẻ hai nghìn năm trăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long).

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mỗi người đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010788, 0010789 cùng ngày 29/5/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 7-Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 7-Vĩnh Long;
- Phòng GĐ, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn